

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố 12 quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Điều 27 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Điều 10, Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực

*Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 09 thủ tục hành chính mới ban hành; 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Danh mục 34 thành phần hồ sơ phải số hoá theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của 12 thủ tục hành chính; Danh mục 03 thủ tục hành chính có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính khác lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 12 quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:

- Quy trình cấp tỉnh: 09 quy trình.
- Quy trình cấp huyện: 02 quy trình.
- Quy trình cấp xã: 01 quy trình.

*(Có 12 Quy trình kèm theo).*

### **Điều 2.**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện:

1.1. Thực hiện công khai Quyết định này trên Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. **Thời gian hoàn thành trong 02 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.**

1.2. Điều chỉnh, hoàn thiện quy trình điện tử quy định tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang theo quy định. **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.**

1.3. Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

## 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

2.1. Tham mưu đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tinh đề các cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

2.2 Chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

2.3. Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc, hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).

## 3. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện:

3.1. Công khai Quyết định này trên Trang thông tin điện tử và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đối với quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

3.2. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trực thuộc thực hiện công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả đối với quy trình liên thông cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.

3.3 Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trực thuộc sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ quy trình liên thông số 03, 04, 05 khoản 6 lĩnh vực Lâm nghiệp, Mục II, Phần A ban hành kèm theo Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 về việc công bố quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Cục KSTTHC-VPCP (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (dăng tải);
- P. Kinh tế (đ/c Toàn);
- Lưu: VT, THCBKS(Tr).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thế Giang**

**DANH MỤC CHI TIẾT 12 QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TUYÊN QUANG**

**A. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG (10 QUY TRÌNH)**

**I. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH (09 QUY TRÌNH)**

*Quy trình liên thông số 01/LN*

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH PHÂN KHU  
CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	01 ngày	05 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Phòng Quản lý Bảo vệ rừng và BTTN, Chi cục Kiểm lâm	04 ngày		
Bước 3	Tiếp nhận ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	10 ngày	10 ngày	Các sở, ngành, địa phương có liên quan
Bước 4	Thẩm định hồ sơ và nội dung phương án điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng; dự thảo tờ trình gửi lãnh đạo sở	Phòng Quản lý Bảo vệ rừng và BTTN, Chi cục Kiểm lâm	12 ngày	13 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT

Bước 5	Ký duyệt tờ trình, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01 ngày		
Bước 6	- UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt - Chuyển kết quả TTHC đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	UBND tỉnh	12 ngày	12 ngày	UBND tỉnh
Bước 7	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>07 bước</b>			<b>40 ngày<sup>1</sup></b>		

<sup>1</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 55 ngày xuống còn 40 ngày

**Quy trình liên thông số 02/KL****QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH GIAO RỪNG CHO TỔ CHỨC**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ; viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	30 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	- Kiểm tra, xem xét hồ sơ (2,5 ngày) - Phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan kiểm tra hồ sơ giao rừng, kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa (22 ngày); Báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định; dự thảo Tờ trình của Sở (03 ngày)	Phòng Quản lý Bảo vệ rừng và BTTN, Chi cục Kiểm lâm	27,5 ngày		
Bước 3	Ký duyệt Tờ trình, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày		
Bước 4	- Xem xét, quyết định giao rừng cho tổ chức - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	UBND tỉnh	05 ngày	05 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>05 bước</b>			<b>35 ngày</b>		
Kể từ ngày nhận được Quyết định giao rừng của UBND cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có); phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức		Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã	10 ngày		Sở Nông nghiệp và PTNT

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	9,5 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Kiểm tra, xem xét hồ sơ; dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Quản lý Bảo vệ rừng và BTTN, Chi cục Kiểm lâm	07 ngày		
Bước 3	Ký duyệt Tờ trình, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày		
Bước 4	- UBND tỉnh xem xét, quyết định CMD sử dụng rừng sang mục đích khác - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	UBND tỉnh	8,5 ngày	8,5 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian	Không tính thời gian	Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>05 bước</b>			<b>18 ngày<sup>2</sup></b>		

<sup>2</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày



**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG RỪNG ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG PHỤC VỤ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> <i>(Tổng bước)</i>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b> <i>(Tổng số ngày, giờ thực hiện)</i>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	08 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Kiểm tra hồ sơ; tổ chức kiểm tra, xác minh và tổng hợp, dự thảo tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt	Phòng Sử dụng và phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	6,5 ngày		
Bước 3	Ký duyệt tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01 ngày		
Bước 4	- UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án sử dụng rừng - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	UBND tỉnh	04 ngày	04 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian		(Sở Nông nghiệp và PTNT)
<b>05 bước</b>			<b>12 ngày<sup>3</sup></b>		

<sup>3</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 12 ngày

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH THU HỒI RỪNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TỰ NGUYỆN TRẢ LẠI RỪNG**

<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> <i>(Tổng bước)</i>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b> <i>(Tổng số ngày/giờ thực hiện)</i>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	13 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Kiểm tra, xem xét hồ sơ đề nghị thu hồi rừng của chủ rừng (2 ngày); phối hợp với các đơn vị liên quan Kiểm tra khu rừng tự nguyện trả lại (7,5 ngày); Báo cáo kết quả kiểm tra, hồ sơ, khu rừng; dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT (02 ngày)	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	11,5 ngày		
Bước 3	Ký duyệt tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thu hồi rừng	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01 ngày		
Bước 4	- UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Phương án sử dụng rừng - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	UBND tỉnh	05 ngày	05 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian	Không tính thời gian	Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>05 bước</b>			<b>18 ngày<sup>4</sup></b>		

<sup>4</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
<b>1. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</b>					
Bước 1	Kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	23 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (03 ngày) - Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, xác minh, thẩm định nội dung đề nghị điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (02 ngày) - Tiếp nhận ý kiến thẩm định bằng Văn bản của các đơn vị liên quan (10 ngày); Báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT kết quả thẩm định; dự thảo Báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định; dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh (5,5 ngày)	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	20,5 ngày		
Bước 3	Ký duyệt kết quả thẩm định báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày		

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 4	UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh	10 ngày	10 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	- HĐND tỉnh Quyết định điều chỉnh chủ trương CMĐSDR sang mục đích khác - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh	Không tính thời gian		Hội đồng nhân dân tỉnh
Bước 6	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>06 bước</b>			<b>33 ngày<sup>5</sup></b>		
<b>2. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành</b>					
Bước 1	Kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	23 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (03 ngày) - Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, xác minh, thẩm định nội dung đề nghị điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (02 ngày)	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	20,5 ngày		

<sup>5</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 35 ngày xuống còn 33 ngày

<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b> (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
	- Tiếp nhận ý kiến thẩm định bằng Văn bản của các đơn vị liên quan (10 ngày); Báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT kết quả thẩm định; dự thảo Báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định; dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh (15,5 ngày)				
Bước 3	Ký duyệt kết quả thẩm định báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày		
Bước 4	UBND tỉnh có Văn bản lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành	UBND tỉnh	03 ngày	03 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Các bộ, ngành tham gia thẩm định bằng Văn bản gửi về UBND tỉnh	Các bộ, ngành	15 ngày	15 ngày	Các bộ, ngành
Bước 6	Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày	05 ngày	UBND tỉnh
Bước 7	- HĐND tỉnh Quyết định điều chỉnh chủ trương CMĐSDR sang mục đích khác; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh	Không tính thời gian		Hội đồng nhân dân tỉnh
Bước 8	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>08 bước</b>			<b>46 ngày<sup>6</sup></b>		

<sup>6</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 48 ngày xuống còn 46 ngày

*Quy trình liên thông số 07/LN***QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÊ DUYỆT HOẶC ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN DU LỊCH SINH THÁI NGHỈ DƯỠNG GIẢI TRÍ TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b> (Tổng số ngày, giờ thực hiện)	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	02 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Kiểm tra hồ sơ, tổ chức lấy ý thẩm định bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ và nội dung của đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Phòng Sử dụng và phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	1,5 ngày		
Bước 3	Các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến trả lời ý kiến bằng văn bản	Sở, ngành, đơn vị liên quan	15 ngày	15 ngày	Sở, ngành, đơn vị liên quan
Bước 4	Tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện thẩm định; dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	11 ngày	12 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 5	Ký duyệt tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01 ngày		
Bước 6	- Xem xét, quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lãnh đạo UBND tỉnh	06 ngày	06 ngày	UBND tỉnh
Bước 7	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>07 bước</b>			<b>35 ngày<sup>7</sup></b>		

<sup>7</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 35 ngày

*Quy trình liên thông số 08/LN*

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÊ DUYỆT HOẶC ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN DU LỊCH SINH THÁI NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TRONG RỪNG PHÒNG HỘ HOẶC RỪNG SẢN XUẤT THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày, giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	02 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	Kiểm tra hồ sơ, tổ chức lấy ý thẩm định bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ và nội dung của đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	Phòng Sử dụng và phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	1,5 ngày		
Bước 3	Các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến trả lời ý kiến bằng văn bản.	Sở, ngành, đơn vị liên quan	15 ngày	15 ngày	Sở, ngành, đơn vị liên quan
Bước 4	Tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện thẩm định; dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	11 ngày	12 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 5	Ký duyệt tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	01 ngày		
Bước 6	- Xem xét, quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Chuyên kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Lãnh đạo UBND tỉnh	06 ngày	06 ngày	UBND tỉnh
Bước 7	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>07 bước</b>			<b>35 ngày<sup>8</sup></b>		

<sup>8</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 35 ngày

**QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG  
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
<b>1. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</b>					
Bước 1	Kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	23 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (03 ngày) - Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, xác minh, thẩm định nội dung đề nghị chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (02 ngày) - Tiếp nhận ý kiến thẩm định bằng Văn bản của các đơn vị có liên quan (10 ngày); Báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT kết quả thẩm định; dự thảo Báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định; dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh (5,5 ngày)	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	20,5 ngày		
Bước 3	Ký duyệt kết quả thẩm định, báo cáo UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày		
Bước 4	UBND tỉnh xem xét trình HĐND cấp tỉnh	UBND tỉnh	10 ngày		



<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b> (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 5	- HĐND tỉnh Quyết định chủ trương CMĐSDR sang mục đích khác; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh	Không tính thời gian		Hội đồng nhân dân tỉnh
Bước 6	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>06 bước</b>			<b>33 ngày<sup>9</sup></b>		
<b>2. Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành</b>					
Bước 1	Kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	0,5 ngày	23 ngày	Sở Nông nghiệp và PTNT
Bước 2	- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (03 ngày) - Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, xác minh, thẩm định nội dung đề nghị chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (02 ngày); Tiếp nhận ý kiến thẩm định bằng Văn bản của các cơ quan, UBND cấp huyện và UBND cấp xã (10 ngày); Báo cáo Sở Nông nghiệp và	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	20,5 ngày		

<sup>9</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 35 ngày xuống còn 33 ngày

<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b> (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
	PTNT kết quả thẩm định; dự thảo Báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định; dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh (5,5 ngày)				
Bước 3	Ký duyệt kết quả thẩm định báo cáo UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày		
Bước 4	UBND tỉnh có Văn bản lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành	UBND tỉnh	03 ngày	03 ngày	UBND tỉnh
Bước 5	Các bộ, ngành tham gia thẩm định bằng Văn bản gửi về UBND tỉnh	Các bộ, ngành	15 ngày	15 ngày	Các bộ, ngành
Bước 6	UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh	05 ngày	05 ngày	UBND tỉnh
Bước 7	- HĐND tỉnh Quyết định chủ trương CMĐSDR sang mục đích khác; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh	Không tính thời gian		Hội đồng nhân dân tỉnh
Bước 8	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT)	Không tính thời gian		Sở Nông nghiệp và PTNT
<b>08 bước</b>			<b>46 ngày<sup>10</sup></b>		

<sup>10</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 48 ngày xuống còn 46 ngày

## II. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG CẤP XÃ (01 QUY TRÌNH)

*Quy trình liên thông số 01/KL*

### QUY TRÌNH LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH GIAO RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 1	Kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	0,5 ngày	05 ngày	UBND cấp xã
Bước 2	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Bộ phận chuyên môn của UBND cấp xã	2,5 ngày		
Bước 3	Chuyển hồ sơ đề nghị giao rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư gửi đến Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Ủy ban nhân dân xã	02 ngày		
Bước 4	Tổ chức thẩm định hồ sơ; kiểm tra nội dung giao rừng, kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa	Hạt Kiểm lâm cấp huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan	25 ngày	25 ngày	Hạt Kiểm lâm cấp huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp xã; các đơn vị liên quan
Bước 5	Báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định; lập Tờ trình trình UBND cấp huyện	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	02 ngày	02 ngày	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Bước 6	- UBND cấp huyện xem xét Quyết định	UBND cấp huyện	05 ngày	05 ngày	UBND cấp huyện

	giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; - Chuyển kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã				
Bước 7	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không tính thời gian		UBND cấp xã
<b>07 bước</b>			<b>37 ngày<sup>11</sup></b>		
Kể từ ngày nhận được quyết định giao rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hạt Kiểm lâm cấp huyện, TP phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.		Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã	10 ngày		Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã

<sup>11</sup> Giảm từ 40 ngày xuống còn 37 ngày

**B. QUY TRÌNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN (02 QUY TRÌNH)***Quy trình số 01/KL***QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỐI VỚI CÁ NHÂN**

<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b> (Tổng số ngày, giờ thực hiện)	<b>Bộ phận giải quyết</b>
Bước 1	Kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện
Bước 2	- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ (03 ngày) - Phối hợp với các phòng, ban, UBND cấp xã thẩm định hồ sơ, kiểm tra diện tích rừng CMĐSD rừng sang mục đích khác (05 ngày)	08 ngày	Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện
Bước 3	Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt	02 ngày	Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện
Bước 4	- Xem xét Quyết định phê duyệt CMĐSD rừng sang mục đích khác - Chuyển kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	7,5 ngày	UBND cấp huyện
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Không tính thời gian	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện
<b>05 bước</b>		<b>18 ngày<sup>12</sup></b>	

<sup>12</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH THU HỒI RỪNG ĐỐI VỚI  
HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TỰ NGUYỆN TRẢ LẠI RỪNG**

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (Tổng số ngày, giờ thực hiện)</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>
Bước 1	Kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ, viết Phiếu hẹn trả kết quả và chuyển đến bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện
Bước 2	Kiểm tra khu rừng, xem xét hồ sơ đề nghị thu hồi rừng của chủ rừng	11 ngày	Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện; chủ rừng; các phòng, ban, UBND cấp xã
Bước 3	Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt	02 ngày	Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện
Bước 4	- Xem xét Quyết định thu hồi rừng - Chuyển kết quả đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	4,5 ngày	Ủy ban nhân dân cấp huyện
Bước 5	Xác nhận kết quả trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có)	Không tính thời gian	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện
<b>05 bước</b>		<b>18 ngày<sup>13</sup></b>	

<sup>13</sup> Cắt giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày.